TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI
Số: 49/2017/QĐST- HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đ, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố , thị trấn C, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố , thị trấn C, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức T thuận tình ly hôn.

- Về con chung và nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức T công nhận có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương H, sinh ngày 27/6/1997, và cháu Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 23/12/2011.

Hiện cháu H đã thành niên, lập gia đình và sống riêng nên bà T và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T và ông T thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Hà N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động, tự lập được.

Ông Trương nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000đ/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017.

Ông T được quyền thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, bà T và ông T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hòa giải thành được giảm một nửa tiền án phí. Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu hết 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn và 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về cấp dưỡng để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006639 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN VĂN THANH